

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3047/GDDT-KHTC

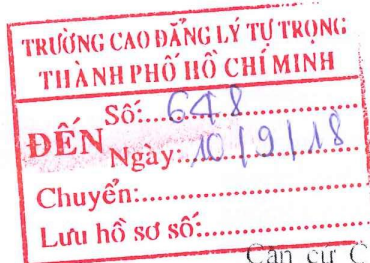
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2018

Về thực hiện ngân sách năm
2018 và triển khai xây dựng
dự toán 2019.

Kg: *phong KHTC Huân*

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các Trường THPT;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc;
- Giám đốc các Trung tâm GDTX.



Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết về lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Thực hiện Công văn 4581/STC-NS ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Nhằm đảm bảo việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2019 của ngành giáo dục và đào tạo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2018 và xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2019 như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách năm 2018:

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo 6 tháng đầu năm (số dự toán đã rút và sử dụng đến 30/6/2018, so sánh với số dự toán được giao năm 2018) và dự kiến cả năm 2018; cần nêu rõ những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các kiến nghị nếu có.

II. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2019:

1. Mục tiêu, yêu cầu:

Việc xây dựng dự toán ngân sách phải đảm bảo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước; bao đảm cân đối nguồn tài chính để thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành và đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy

định của pháp luật; chỉ tiêu công tiết kiệm hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ các khoản thu chi; rà soát lồng ghép các chế độ, chính sách và các nhiệm vụ, sắp xếp lại các khoản chi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện các các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu bố trí kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển và lập dự toán chi thường xuyên.

2. Các tiêu chí xây dựng dự toán:

- Dự toán chi thường xuyên : Các đơn vị có trách nhiệm đánh giá, rà soát hệ thống các chính sách, chế độ, biên chế, định mức hiện hành để làm cơ sở tính toán xây dựng dự toán, cập nhật các văn bản mới về chính sách chế độ.

Khi xây dựng dự toán chi thường xuyên cần thuyết minh chi tiết, phân tích cụ thể cơ sở tính toán dự toán ngân sách năm 2019, nhất là đối với các nội dung phát sinh do được giao thêm nhiệm vụ ... trên tinh thần triệt để tiết kiệm đặc biệt là dự toán chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, tổng kết, lễ kỷ kết, khởi công, phong tặng danh hiệu, tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước và các nhiệm vụ không cần thiết khác; dự toán chi cho các nhiệm vụ này không tăng so với số thực hiện năm 2018.

Xác định quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở **1.390.000 đồng/tháng** (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo bao gồm: quỹ tiền lương của biên chế có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt); quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển (được dự kiến trên cơ sở hệ số lương 2,34/biên chế); Lưu ý xác định rõ quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp **tăng thêm** khi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ **1.210.000 đồng lên 1.390.000 đồng**.

Sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương để đảm bảo nhu cầu cho phần chênh lệch tiền lương tăng từ 1.210.000 đồng lên 1.390.000 đồng, nhu cầu thực hiện chính sách tính giảm biên chế năm 2018 theo Nghị định số 108/NĐ-CP (tính đủ 12 tháng).

Năm 2019, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định; đơn vị sự nghiệp có nguồn thu được giao tự chủ phần đầu tăng thu cùng với lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ và sử dụng nguồn thu này ưu tiên để thực hiện cải cách tiền lương.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ xây dựng dự toán trên cơ sở thời kỳ ổn định mới từ năm 2018 đến năm 2020.

- Dự toán thu: Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thu các khoản thu theo đúng quy định (học phí, các khoản thu khác, các khoản huy động đóng góp...)

và phải lập đầy đủ dự toán thu, dự toán chi từ nguồn thu được để lại đơn vị và tổng hợp vào dự toán.

3. Về lập kế hoạch nhu cầu mua sắm sửa chữa năm 2019:

a/ Báo cáo kết quả mua sắm - sửa chữa 2018:

Các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện mua sắm - sửa chữa năm 2018 và đính kèm văn bản chấp thuận chủ trương mua sắm sửa chữa do Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

b/ Lập kế hoạch nhu cầu mua sắm - sửa chữa năm 2019:

- Các đơn vị cần khảo sát cụ thể nhu cầu thật cấp thiết để lập các kế hoạch mua sắm sửa chữa

Chỉ tiết dự toán công tác sửa chữa, mua sắm các đơn vị thực hiện theo Công văn số 2916/GDDT-KHTC ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo và tổng hợp vào dự toán.

4. Mẫu biểu báo cáo: Các đơn vị thực hiện các mẫu biểu báo cáo (theo biểu mẫu và file đính kèm).

5. Thời gian nộp báo cáo: Gửi về Phòng Kế Hoạch - Tài Chính (Bà Thân Thị Thực Đoan - Bà Lê Thị Khánh Linh) hạn chót là **ngày 14 tháng 9 năm 2018.**

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc thực hiện các nội dung nêu trên và nộp dự toán đúng thời gian quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc "để báo cáo";
- Lưu VP: KHTC.



Lê Hoài Nam

ĐƠN VỊ:.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

**DỰ TOÁN THU CHI NSNN
NĂM 2019**

I. Số liệu cơ bản :

1. Số học sinh, số lớp :

Khối THCS:

	NH 2017 – 2018		NH 2018 – 2019		NH 2019 – 2020	
	Số lớp	Số HS/SV	Số lớp	Số HS/SV	Số lớp	Số HS/SV
- Lớp 6						
- Lớp 7						
- Lớp 8						
- Lớp 9						
TỔNG CỘNG						

Khối THPT (học sinh thường):

	NH 2017 – 2018		NH 2018 – 2019		NH 2019 – 2020	
	Số lớp	Số HS/SV	Số lớp	Số HS/SV	Số lớp	Số HS/SV
- Lớp 10						
- Lớp 11						
- Lớp 12						
TỔNG CỘNG						

Khối THPT (học sinh chuyên nếu có):

	NH 2017 – 2018		NH 2018 – 2019		NH 2019 – 2020	
	Số lớp	Số HS/SV	Số lớp	Số HS/SV	Số lớp	Số HS/SV
- Lớp 10						
- Lớp 11						

- Lớp 12						
TỔNG CỘNG						

Ghi chú:

- + Đối với các trường có mô hình trường như: Trường Chuyên, trường thường có lớp chuyên, trường năng khiếu thể dục thể thao, đề nghị phản ánh trên bảng số liệu học sinh chuyên.
- + Đối với các trường có số học sinh năm dự toán tăng giảm so năm trước liền kề, đề nghị có thuyết minh cụ thể.
- + Đối với các trường Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng: đề nghị báo cáo dự toán số học sinh, sinh viên theo từng ngành nghề đào tạo.

2. Số cán bộ, giáo viên công nhân viên :

Năm 2017 Biên chế được giao năm 2017:

Số biên chế có mặt ngày 31/12/2017:

Năm 2018 Biên chế được giao năm 2018:

Số biên chế có mặt ngày 31/12/2018:

Dự kiến năm 2019 Biên chế được Sở giao năm 2019:

Số biên chế có mặt ngày 01/01/2019:

Bao gồm:

Năm	Tổng cộng	Ban giám hiệu (Ban Giám đốc)	Giáo viên		nhân viên		
			Biên chế	Hợp đồng trường	Biên chế	Hợp đồng ND68	Hợp đồng trường
2017							
2018							
2019							

Ghi chú:

- + Đối với các trường có số biên chế năm dự toán tăng giảm so với năm trước liền kề, đề nghị có thuyết minh?

II. Thuyết minh các khoản thu sự nghiệp :

1. Thu học phí:

Chi tiết từng khoản thu (Số học sinh × số tháng thực học × mức thu)

Đvt : nghìn đồng

NỘI DUNG	Số HS/SV theo dự toán	Tổng thu	Miễn giảm		Dự toán thu
			Số HS/SV	Số tiền	
	(1)	(2) = (1)*120*9	(3)	(4) = (3)* 120*9	(5)=(2)-(4)
HP công lập					
Tổng cộng					

Số tháng thực học không vượt quá 9 tháng (đối với THPT và GDTX), không quá 10 tháng (đối với khối Đào tạo).

2. Thu các khoản khác :

Chi tiết từng khoản thu và căn cứ pháp lý thu (Số học sinh × số tháng thực học × mức thu)

NỘI DUNG	Số HS theo dự toán	Tổng thu	Miễn giảm (nếu có)		Dự toán thu
			Số HS	Số tiền	
	(1)	(2) = (1)*mức thu* số tháng	(3)	(4) = (3)* mức thu * số tháng	(5)=(2)-(4)
Tổ chức học buổi 2					
Tăng cường NN					
Tiếng anh bản ngữ					
Ngoại ngữ 2 – Nhật/Pháp					
Tổ chức bán trú					
Vệ sinh bán trú					
Tổng cộng					

*Số tháng thực học không vượt quá 9 tháng.

3. Các khoản thu hộ, chi hộ:

NỘI DUNG	Số HS/SV theo dự	Tổng thu	Miễn giảm (nếu có)	Dự toán
----------	---------------------	----------	--------------------	---------

	<i>toán</i>		<i>Số HS/SV</i>	<i>Số tiền</i>	<i>thu</i>
	(1)	(2) = (1)*muc thu*9	(3)	(4) = (3)* muc thu *9	(5)=(2)-(4)
Tổng cộng					

2. Thu hoạt động dịch vụ :

Chi tiết từng khoản thu và căn cứ pháp lý thu :

+ Bãi xe:

+ Căn tin:

+ Liên kết đào tạo (nếu có):

III. Thuyết minh các khoản chi thường xuyên

A. Kinh phí thường xuyên:

1. Lương và các khoản theo lương

ĐVT:ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM 2017	NĂM 2018	CHÊNH LỆCH
A	B	C	D	E = D - C
1	Mức lương theo ngạch bậc			
2	Các loại phụ cấp:			
2.1	Phụ cấp chức vụ			
2.2	Phụ cấp vượt khung			
2.3	Phụ cấp ưu đãi			
2.4	Phụ cấp thâm niên nhà giáo			
2.5	Phụ cấp khác...			
3	Các khoản đóng góp			

Ghi chú:

+ Đối với các nội dung chênh lệch kinh phí đề nghị có thuyết minh?

2. Chi tiết các mục chi (chi tiết theo từng năm)

ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018

a. Ngân sách nhà nước:

NỘI DUNG	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
A	B
CHI THƯỜNG XUYÊN (1+ 2 + 3)	
<u>1. Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao</u>	
1. Nhóm chi thanh toán cá nhân	
Mục 6000	
Mục 6050	
Mục 6100	
Mục 6150	
Mục 6200	
Mục 6250	
Mục 6300	
Mục 6400	
.....	
.....	
2.Nhóm chi nghiệp vụ chuyên môn	
Mục 6500	
Mục 6550	
Mục 6600	
Mục 6650	
Mục 6700	
Mục 6750	
Mục 6900	
Mục 7000	
.....	
3.Nhóm chi mua sắm sửa chữa	
Mục 9000	
Mục 9050	
Mục 9100	
4. Các khoản chi khác (các mục chi còn lại)	

NỘI DUNG	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
A	B
Mục 7150	
Mục 7750	
Mục 7950	
Mục 8000	
.....	

b. Chi từ nguồn thu sự nghiệp.

Đơn vị xây dựng dự toán chi tiết theo các nội dung:

- Chi thanh toán cá nhân (chi tiết nội dung)
- Chi nghiệp vụ chuyên môn (chi tiết nội dung)
- Chi hoạt động (chi tiết nội dung)
- Chi khác (chi tiết theo nội dung)

NĂM 2019

a. Chi từ nguồn ngân sách cấp

Dvt : nghìn đồng

NỘI DUNG	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
A	B
CHI THƯỜNG XUYÊN (1+ 2 + 3)	
<u>1. Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao</u>	
1. Nhóm chi thanh toán cá nhân	
Mục 6000	
Mục 6050	
Mục 6100	
Mục 6150	
Mục 6200	
Mục 6250	
Mục 6300	
Mục 6400	
.....	
.....	

NỘI DUNG	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
A	B
2.Nhóm chi nghiệp vụ chuyên môn	
Mục 6500	
Mục 6550	
Mục 6600	
Mục 6650	
Mục 6700	
Mục 6750	
Mục 6900	
Mục 7000	
.....	
3.Nhóm chi mua sắm sửa chữa	
Mục 9000	
Mục 9050	
Mục 9100	
4. Các khoản chi khác (các mục chi còn lại)	
Mục 7150	
Mục 7750	
Mục 7950	
Mục 8000	
.....	

b. Chi từ nguồn thu sự nghiệp.

Đơn vị xây dựng dự toán chi tiết theo các nội dung:

- Chi thanh toán cá nhân (chi tiết nội dung)
- Chi nghiệp vụ chuyên môn (chi tiết nội dung)
- Chi hoạt động (chi tiết nội dung)
- Chi khác (chi tiết theo nội dung)

So sánh kinh phí:

1. Nguồn ngân sách cấp

NỘI DUNG	NĂM 2018 TỔNG CỘNG (1)	NĂM 2019 TỔNG CỘNG (2)	CHÊNH LỆCH
A	B	C	D = C-D
CHI THƯỜNG XUYÊN (1+ 2 + 3)			

NỘI DUNG	NĂM 2018 TỔNG CỘNG (1)	NĂM 2019 TỔNG CỘNG (2)	CHÊNH LỆCH
A	B	C	D = C-D
<u>1. Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao</u>			
1. Nhóm chi thanh toán cá nhân			
Mục 6000			
Mục 6050			
Mục 6100			
Mục 6150			
Mục 6200			
Mục 6250			
Mục 6300			
Mục 6400			
Mục 7250			
.....			
2.Nhóm chi nghiệp vụ chuyên môn			
Mục 6500			
Mục 6550			
Mục 6600			
Mục 6650			
Mục 6700			
Mục 6750			
Mục 6900			
Mục 7000			
.....			
3.Nhóm chi mua sắm sửa chữa			
Mục 9000			
Mục 9050			
Mục 9100			
4. Các khoản chi khác (các mục chi còn lại)			
Mục 7150			
Mục 7750			
Mục 7950			
Mục 8000			

NỘI DUNG	NĂM 2018 TỔNG CỘNG (1)	NĂM 2019 TỔNG CỘNG (2)	CHÊNH LỆCH
A	B	C	D = C-D
.....			

2. Đơn vị tự xây dựng mẫu so sách nội dung chi từ nguồn thu sự nghiệp cho năm 2018 và dự toán 2019

****Ghi chú:** Đối với những khoản chênh lệch kinh phí đề nghị đơn vị có thuyết minh.

Ngân sách đề nghị cấp bù:

STT	Nội dung	Năm trước liền kề 2018		Năm 2019	Chênh lệch
		Dự toán	Thực hiện		
A	Thu, chi thường xuyên	-	-	-	-
I	Thu sự nghiệp (*)	-	-	-	-
1	Thu khác				
2	Thu hoạt động dịch vụ				
3	Thu khác				
II	Chi thường xuyên:	-	-	-	-
1	Chi thanh toán cá nhân				
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
3	Chi mua sắm, sửa chữa				
4	Chi khác				
III	Chênh lệch đề nghị NSNN cấp (I - II)	-	-	-	-

B. Kinh phí không thường xuyên:

STT	Nội dung	Năm trước liền kề 2017		Năm 2018	Chênh lệch
		Dự toán	Thực hiện		
A	B	C	D	E	F = E-D
	Chi NSNN không thường xuyên				
1	Mua sắm, sửa chữa				
2	Phụ cấp thâm niên nhà giáo				
3	Hỗ trợ GV dạy hoà nhập khuyết tật				
4	Hỗ trợ GV dạy GD CD và GV kiêm nhiệm phổ biến pháp luật				

5	Trợ cấp thôi việc				
6	Miễn giảm học phí				
7	Hỗ trợ chi phí học tập				
8	Hỗ trợ cán bộ y tế trường học				
9	Trợ cấp vùng sâu				
10	Ngoài định mức trường chuyên				
11	Hỗ trợ ngành học mầm non theo NQ01				
12	Chi khác (nếu có)				

Ghi chú:

Đối với kinh phí không thường xuyên, đề nghị đơn vị thuyết minh bằng chữ chênh lệch nếu có và có mẫu chi tiết đính kèm cho từng nội dung.

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị